

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS-ST
Ngày: 25-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Đông.

Bà Võ Thị Thu Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Âu, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Tháp BIDV 35 đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, Phó Giám đốc Phòng giao dịch T - Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số 165 đường A, Khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn - ông Nguyễn Thành T trình bày: Ngày 24/3/2016, Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An và bà Phạm Thị Mỹ P có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ, vay số tiền 65.000.000 đồng, mục đích vay vốn: đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của bên vay và gia đình, thời hạn vay 36 tháng, trả góp 2.200.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng bao gồm cả lãi và gốc, kỳ đầu tiên vào ngày 10/5/2016, kỳ cuối vào ngày 24/3/2019, lãi theo dư nợ thực tế, hình thức vay tín chấp; lãi suất vay ban đầu là 11,7%/năm tính từ thời điểm giải ngân, lãi suất này thay đổi theo thông báo lãi suất từng thời kỳ của

BIDV – Chi nhánh Long An; lãi suất vay hiện tại (thời điểm hết ngày 06/3/2017) là 12%/năm.

Sau khi vay tiền, bà Phạm Thị Mỹ P đã trả được 34.314.392 đồng vốn vay và 13.963.035 đồng tiền lãi trong hạn, lãi phạt là 783.627 đồng. Từ ngày 26/7/2018 bà Mỹ P ngưng trả vốn vay và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An đến nay.

Tính đến ngày 24/10/2019, bà Phạm Thị Mỹ P còn nợ Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An 37.379.963 đồng, bao gồm: Nợ gốc 30.685.608 đồng, lãi trong hạn 4.856.869 đồng, lãi quá hạn 1.837.486 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Phạm Thị Mỹ P có trách nhiệm trả 37.379.963 đồng bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 24/3/2016 và tiền lãi phát sinh theo lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng cho đến ngày thi hành án xong.

- Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An khởi kiện yêu cầu bà Mỹ P trả số tiền 37.379.963 đồng nhưng bà Mỹ P luôn vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán vốn gốc 30.685.608 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.856.869 đồng, lãi quá hạn 1.837.486 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Ngân hàng TMCP Đ có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị Mỹ P tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt theo quyết định của Tòa án; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn tại nhà bị đơn - số 165 đường A, Khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Long An nhưng bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét giấy đề nghị vay vốn và Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 24/3/2016 giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà Phạm Thị Mỹ P được Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An phê duyệt cùng ngày 24/3/2016, được xác lập theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ P thanh toán số tiền 37.379.963 đồng, thấy rằng: Việc bà Mỹ P không thanh toán vốn vay và tiền lãi cho BIDV từ ngày 26/7/2018 đến nay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm cho quyền lợi của Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Long An bị xâm phạm. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền 37.379.963 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Xét ý kiến bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An là đúng quy định pháp luật, nên chấp nhận.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 30.685.608 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.856.869 đồng, lãi quá hạn 1.837.486 đồng, trả tiền làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 37.379.963 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 1.869.000 đồng. Hoàn 816.000 đồng tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 của Bộ

luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Phạm Thị Mỹ P. Buộc bà Phạm Thị Mỹ P trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 37.379.963 đồng, trong đó vốn gốc là 30.685.608 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.856.869 đồng, lãi quá hạn là 1.837.486 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án tuyên án, bà Phạm Thị Mỹ P còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mỹ P phải chịu 1.869.000 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ 816.000 đồng (Tám trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002376 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến